

Bản án số: **01/2025/DS – PT**

Ngày 02 – 01 – 2025;

“*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Dũng**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hữu Thịnh**;

bà **Võ Thị Minh Phượng**.

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Đỗ Thị Thu Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Quang Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 100/2024/QĐ - PT ngày 12 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông **Nguyễn Xuân L**, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- **Các bị đơn:** ông **Lê Ngọc C**, sinh năm 1955; bà **Võ Thị H**, sinh năm 1958; ông **Lê Ngọc T**, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà **Lê Thị Thúy P**, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- **Người kháng cáo:** các bị đơn **Lê Ngọc C** và **Võ Thị H**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Lê Thị Thúy P**.

- **Viện kiểm sát kháng nghị:** Quyết định kháng nghị số 27/QĐ-VKS – DS ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Các ông, bà L, H, T, P có mặt. Ông C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn cho rằng: ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại xã T, vợ chồng ông Lê Ngọc C, bà Võ Thị H và con là Lê Ngọc T có lập “*Giấy mượn tiền*”, vay của ông Nguyễn Xuân L số tiền 1.000.000.000 (*một tỷ*) đồng, lãi vay theo thỏa thuận, hạn trả 30 ngày. Sau khi vay, phía bị đơn đã trả 8.500.000 đồng tiền lãi. Đến hạn trả nợ, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc. Nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc ông Lê Ngọc C, bà Võ Thị H, ông Lê Ngọc T trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền vay 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày 15/02/2024 đến ngày 26/9/2024 (*ngày xét xử sơ thẩm*) là 52.889.000 đồng, tổng cộng là 1.052.889.000 đồng.

Các bị đơn ông Lê Ngọc T, Võ Thị H cho rằng: giao dịch mượn tiền ngày

15/01/2024 như ông L trình bày là đúng. Khi mượn tiền thì gia đình ông đã đưa cho ông L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*giấy chứng nhận*) số CX714681 và CX714682 do UBND huyện P cấp cho hộ ông Lê Ngọc C ngày 04/02/2021. Mục đích mượn tiền để cho bà Lê Thị Thúy P xử lý nợ, lãi suất 75.000.000 đồng/tháng. Ông L đã chuyển tiền qua số tài khoản của bà P. Sau thời gian mượn tiền 01 tháng, con gái của bà P có đưa cho ông L số tiền lãi 45.000.000 đồng, sau đó Lê Ngọc V (*anh trai ông T*) có đưa cho ông L số tiền 8.500.000 đồng. Ông T thống nhất chịu trách nhiệm trả hết số nợ cho ông L, nhưng ông T đề nghị ông L phải trừ số tiền gia đình đã trả vào tiền gốc hoặc lãi cho rõ ràng; khi gia đình ông trả nợ thì đề nghị ông L trả lại 02 giấy chứng nhận cho gia đình ông. Bị đơn Lê Ngọc C không phản hồi ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thúy P trình bày: ngày 15/01/2024 bà P có liên hệ với ông Nguyễn Xuân L để mượn số tiền 1.000.000.000 đồng, do không có tài sản thế chấp nên bà có nhờ ba, mẹ và em trai đem 02 giấy chứng nhận của ba, mẹ bà đến ông L để ký giấy vay tiền. Sau khi lập giấy, ông L chuyển khoản qua cho bà số tiền 1.000.000.000 đồng. Vào ngày 29 âm lịch Tết Nguyên đán, con gái bà trả cho ông L số tiền 45.000.000 đồng và sau này em trai bà trả cho ông L số tiền 8.500.000 đồng. Bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2024/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 290, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, **xử:** *chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L, buộc ông Lê Ngọc C, bà Võ Thị H, ông Lê Ngọc T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền là 1.052.889.000 đồng; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2024 là 52.889.000 đồng. Chia phần: ông Lê Ngọc C, bà Võ Thị H, ông Lê Ngọc T mỗi người trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền gốc 333.333.333 đồng; số tiền lãi là 17.629.667 đồng.*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 03/10/2024 và 10/10/2024, các bị đơn Lê Ngọc C và Võ Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Thúy P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 24/10/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam rút một phần nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến: Tòa án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã đảm bảo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, kháng cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc nguyên đơn trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Ngọc C và tính án phí đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; các ông bà Lê Ngọc C, Võ Thị H, Lê Thị Thúy P không rút đơn kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát thông báo rút một phần nội dung kháng nghị; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

[2] Xét kháng nghị, kháng cáo

[2.1]. Về tính hợp pháp của kháng cáo, kháng nghị và thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm

[2.1.1]. Việc kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam thực hiện trong thời hạn, được thụ lý đúng điều kiện, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và kháng cáo của các ông, bà Lê Ngọc C, Võ Thị H, Lê Thị Thúy P là hợp pháp.

[2.1.2]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị, giữ nội dung kháng nghị bản án sơ thẩm về tính án phí và giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ của đương sự phát sinh từ việc giao nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc giao dịch đang tranh chấp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

[2.1.3]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bà Võ Thị Ngọc S, Phạm Thị Đ có văn bản xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không khiếu nại kết quả xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không xác định các bà Võ Thị Ngọc S, Phạm Thị Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2.2]. Về nội dung

Thứ nhất, trong quá trình tố tụng, các bị đơn và bà Lê Thị Thúy P thừa nhận đã tự nguyện ký giấy mượn tiền lập ngày 15 tháng 01 năm 2024 và bà P đã nhận số tiền nguyên đơn chuyển là 1.000.000.000 đồng; đến thời điểm giải quyết vụ án, các bị đơn và bà P chưa trả số tiền 1.000.000.000 đồng cho nguyên đơn. Đây là các tình tiết, sự việc không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và là cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xác định giao dịch vay tiền có hiệu lực, buộc bên vay tiền trả số nợ gốc đến hạn cho nguyên đơn là có căn cứ pháp luật và đúng với sự kiện pháp lý đã xảy ra. Ông C, bà H và bà P kháng cáo cho rằng C, bà H, ông T chỉ ký vào Giấy mượn tiền với tư cách là người bảo lãnh nên nghĩa vụ trả nợ là của bà P, nhưng quan điểm này không được phía nguyên đơn đồng ý, không có chứng cứ chứng minh, không phù hợp với các chủ thể đứng tên “*Người mượn tiền*” thể hiện trong giấy mượn tiền, không đảm bảo điều kiện chuyển giao nghĩa vụ theo Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C, bà H, bà P về nội dung này.

Thứ hai, phía bị đơn và bà P kháng cáo, cho rằng ngoài số tiền lãi đã trả 8.500.000 đồng thì phía nguyên đơn đã nhận của bà P số tiền lãi 45.000.000 đồng. Tình tiết này không được phía nguyên đơn chấp nhận, bà P và các bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Ngoài ra, phía bị đơn khai hai bên thỏa thuận

lãi 75.000.000 đồng/tháng, tương ứng 7,5%/tháng, nhưng nội dung hợp đồng không thỏa thuận mức lãi phải trả và tổng số tiền lãi đã trả 8.500.000 đồng so với số tiền gốc và thời gian chậm thanh toán không đủ cơ sở kết luận hai bên có thỏa thuận mức lãi như phía bị đơn khai hoặc bên cho vay đã nhận lãi với mức lãi suất vượt quá pháp luật quy định. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo về tiền lãi.

Thứ ba, việc các bị đơn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là thực hiện giao dịch đã ký kết ngày 15 tháng 01 năm 2024, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết tranh chấp giữa các bên liên quan đến giao dịch vay tiền, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc phía bị đơn trả tiền vay và tiền lãi phát sinh từ giao dịch nhưng không buộc nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã nhận của các bị đơn là không đảm bảo quyền lợi của các bị đơn theo quy định tại Điều 410 Bộ luật Dân sự năm 2015. Mặt khác, tại phiên tòa, các bị đơn yêu cầu trả lại giấy chứng nhận, nguyên đơn đồng ý thực hiện yêu cầu này trong giai đoạn thi hành án. Theo đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa bản án sơ thẩm về nội dung này theo hướng buộc nguyên đơn trả lại các giấy chứng nhận cho hộ ông Lê Ngọc C.

Thứ tư, Tòa án buộc các bị đơn thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 và nghĩa vụ này được phân chia theo phần, nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ thể phần nghĩa vụ của từng bị đơn, buộc bị đơn Lê Ngọc T thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền cho nguyên đơn theo phần là 350.963.000 đồng, tính án phí trên phần nghĩa vụ bị đơn Lê Ngọc T phải chịu (17.548.150 đồng) là đúng quy định tại các khoản 2, 4, 9 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo, kháng nghị về nội dung này.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn Lê Ngọc C, Võ Thị H, Lê Thị Thúy P và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 64/2024/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo hướng buộc nguyên đơn trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Ngọc C.

[2.3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận, và bản án sơ thẩm bị sửa một phần nên người kháng cáo không chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, các điều 5, 26, 35, 39, 157, 159, 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 288, 290, 370, 410, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam đối với Bản án sơ thẩm số 64/2024/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam liên quan đến kết quả thu thập chứng cứ để đảm bảo quyền lợi của các bà Võ Thị Ngọc S, Phạm Thị Đ.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự Lê Ngọc C, Võ Thị H, Lê Thị Thúy P và một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 64/2024/DS - ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân L, buộc ông Lê Ngọc C, bà Võ Thị H, ông Lê Ngọc T phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền là 1.052.889.000 (*một tỷ không trăm năm mươi hai triệu, tám trăm tám mươi chín nghìn*) đồng; trong đó nợ gốc là 1.000.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 26 tháng 9 năm 2024 là 52.889.000 đồng. Chia phần: ông Lê Ngọc C, bà Võ Thị H, ông Lê Ngọc T mỗi người trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền 350.963.000 (*ba trăm năm mươi triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn*) đồng, gồm tiền gốc 333.333.333 đồng, tiền lãi là 17.629.667 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc ông Nguyễn Xuân L trả lại hộ gia đình ông Lê Ngọc C (*do ông Lê Ngọc C làm chủ hộ đại diện nhận*) 02 (*hai*) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Lê Ngọc C (*địa chỉ: thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam*), số CX 714682 ngày 04/02/2021 (*đối với thửa đất số 1112, tờ bản đồ số 3*) và số CX 71681 ngày 04/02/2021 (*đối với thửa đất số 1111, tờ bản đồ số 31*).

4. Án phí dân sự và chi phí tố tụng

4.1. *Án phí dân sự sơ thẩm*: miễn án phí cho ông Lê Ngọc C và bà Võ Thị H; buộc ông Lê Ngọc T phải chịu 17.548.150 (*mười bảy triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm năm mươi*) đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Xuân L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.534.000 (*hai mươi một triệu năm trăm ba mươi tư nghìn*) đồng, theo Biên lai thu số 00017939 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

4.2. *Án phí dân sự phúc thẩm*: ông Lê Ngọc C, và các bà Võ Thị H, Lê Thị Thúy P không chịu. Hoàn trả cho bà Lê Thị Thúy P 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0017999 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (*ngày 02/01/2025*).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũng

